

Deloitte

**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

M.S.C
★

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 37

03
TC
PH
0A
NT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

16
CÔ
BỘ
Á T
NG
PH.
P H C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Số: 331 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 37. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		7.258.710.660.425	7.515.223.312.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.798.920.425.185	4.032.386.358.314
1. Tiền	111		279.393.758.518	435.859.691.647
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.519.526.666.667	3.596.526.666.667
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.473.053.298.732	1.734.861.214.549
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	1.473.053.298.732	1.734.861.214.549
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		375.837.199.879	246.097.665.717.030
1. Phải thu khách hàng	131		130.352.897.754	105.080.057.904
2. Trả trước cho người bán	132		163.067.691.184	74.278.800.209
3. Các khoản phải thu khác	135	6	201.713.678.230	186.035.877.103
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(119.297.067.289)
IV. Hàng tồn kho	140	7	1.412.069.401.164	1.340.683.371.984
1. Hàng tồn kho	141		1.415.694.215.484	1.353.397.692.080
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.624.814.320)	(12.714.320.096)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		198.830.335.465	161.194.702.394
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	22.679.800.482	16.754.134.505
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		167.636.653.419	110.241.258.017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	18	3.166.943.640	30.491.537.283
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.346.937.924	3.707.772.589
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		3.092.077.336.873	3.290.087.917.426
I. Tài sản cố định	220		2.272.776.427.764	2.368.443.661.712
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.171.603.917.609	1.257.291.251.123
- Nguyên giá	222		7.242.165.169.011	7.212.931.208.323
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.070.561.251.402)	(5.955.639.957.200)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	919.389.774.875	927.348.585.669
- Nguyên giá	228		1.144.106.832.122	1.143.916.832.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(224.717.057.247)	(216.568.246.453)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	181.782.735.280	183.803.824.920
II. Bất động sản đầu tư	240	12	279.621.797.504	284.964.579.592
- Nguyên giá	241		314.530.971.192	314.530.971.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34.909.173.688)	(29.566.391.600)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		455.426.737.204	540.521.826.075
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	377.107.207.796	463.076.061.761
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	78.748.833.015	77.875.067.921
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(429.303.607)	(429.303.607)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		84.252.374.401	96.157.850.047
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	48.895.670.478	66.360.451.576
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	34.310.656.923	28.765.219.071
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.046.047.000	1.032.179.400
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.350.787.997.298	10.805.311.229.884

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.142.297.480.560	1.249.172.775.527
I. Nợ ngắn hạn	310		1.106.928.277.030	1.223.123.387.061
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	27.998.735.120	65.405.536.332
2. Phải trả người bán	312		509.382.232.931	605.551.019.966
3. Người mua trả tiền trước	313		47.904.035.569	111.417.518.731
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	44.389.167.843	13.565.487.134
5. Phải trả người lao động	315		50.406.421.880	89.584.219.696
6. Chi phí phải trả	316	19	284.347.304.600	160.664.901.010
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	81.528.090.297	63.691.286.159
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		327.365.199	327.365.199
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		60.644.923.591	112.916.052.834
II. Nợ dài hạn	330		35.369.203.530	26.049.388.466
1. Phải trả dài hạn khác	333		5.803.580.692	5.951.661.600
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	5.045.929.728	3.053.298.737
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.223.245.472	3.525.485.484
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		21.296.447.638	13.518.942.638
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		8.995.478.561.245	9.346.015.885.688
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	8.995.478.561.245	9.346.015.885.688
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		977.787.044	977.787.044
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(49.241.978)	(264.120.169)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.526.156.314.757	2.526.156.314.757
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		963.443.936.818	962.866.860.541
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.014.770.873	1.014.770.873
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.685.051.903.993	2.036.381.182.804
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	213.011.955.493	210.122.568.769
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		10.350.787.997.298	10.805.311.229.884

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc

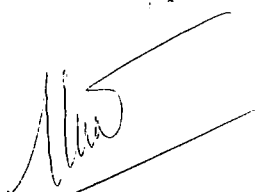
Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.004.186.868.610	6.135.988.306.142
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.881.605.737	36.336.627.068
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	4.979.305.262.873	6.099.651.679.074
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	3.662.246.987.301	3.917.067.415.444
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	25	1.317.058.275.572	2.182.584.263.630
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	145.637.388.290	227.790.593.099
7. Chi phí tài chính	22	28	1.927.213.810	5.075.199.729
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.245.395.593	1.913.622.114
8. Chi phí bán hàng	24		345.343.548.254	311.493.087.793
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		253.928.454.435	251.032.147.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		861.496.447.363	1.842.774.421.778
11. Thu nhập khác	31		8.393.162.071	8.919.195.957
12. Chi phí khác	32		1.405.925.759	927.665.304
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.987.236.312	7.991.530.653
14. (Lỗ) từ công ty liên kết	45	13	(112.570.702.356)	(21.388.089.049)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		755.912.981.319	1.829.377.863.382
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	89.470.399.334	214.180.062.343
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(5.545.437.852)	(2.025.348.602)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		671.988.019.837	1.617.223.149.641
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	23	21.218.971.238	24.110.497.254
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		650.769.048.599	1.593.112.652.387
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30		4.201


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu


Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>755.912.981.319</i>	<i>1.829.377.863.382</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	129.089.484.353	114.643.378.372
Các khoản dự phòng	03	(9.089.505.776)	(6.749.146.459)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(32.658.141.422)	(205.657.579.359)
Chi phí lãi vay	06	1.245.395.593	1.913.622.114
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>844.500.214.067</i>	<i>1.733.528.138.050</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(188.592.524.973)	(65.445.077.301)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(62.296.523.404)	(137.298.222.175)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(26.735.006.965)	(10.711.583.230)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	9.915.101.813	8.301.340.335
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.245.395.593)	(1.913.622.114)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.560.948.163)	(193.590.241.471)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(120.019.608.334)	(177.512.656.665)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>422.965.308.448</i>	<i>1.155.358.075.429</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(55.941.448.106)	(116.381.498.892)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	236.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(873.765.094)	(330.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	261.807.915.817	52.807.915.817
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.563.000.000)	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	144.658.495.602	243.911.833.432
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>321.324.652.764</i>	<i>(149.661.749.643)</i>



Các thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	62.511.524.788	165.919.838.626
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.925.695.004)	(133.894.961.175)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(942.341.724.125)	(756.192.559.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(977.755.894.341)</i>	<i>(724.167.682.449)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(233.465.933.129)	281.528.643.337
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.032.386.358.314	5.629.375.858.166
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	3.798.920.425.185	5.910.904.501.503

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các Công ty con bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản, đào tạo nghề; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Tp. Hồ Chí Minh	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	75	75	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51	51	Sản xuất bao bì

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của các công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm và khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc và trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ 1,5 đến 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 không được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.007.873.571	1.407.479.185
Tiền gửi ngân hàng	277.385.884.947	434.452.212.462
Các khoản tương đương tiền	3.519.526.666.667	3.596.526.666.667
	<u>3.798.920.425.185</u>	<u>4.032.386.358.314</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 6,0%/năm.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	1.470.000.000.000	1.730.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chung Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam)	3.053.298.732	4.861.214.549
	<u>1.473.053.298.732</u>	<u>1.734.861.214.549</u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,0%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	64.024.992.121	63.567.708.786
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (ii) Khác	12.792.091.037 14.753.327.783	- 12.324.901.118
	<u>201.713.678.230</u>	<u>186.035.877.193</u>

(i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFI") tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư quá hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

(ii) Số dư phải thu Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "PVGN") tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh khoản tiền bảo hiểm thiệt hại công trình Tổng kho sản phẩm dầu khí Đà Nẵng, số tiền bảo hiểm thiệt hại đã được cơ quan bảo hiểm đền bù nhưng PVGN chưa chuyển trả cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	63.645.082.305	92.540.186.877
Nguyên liệu, vật liệu	530.217.056.621	493.812.401.373
Công cụ, dụng cụ	7.663.291.015	4.443.958.641
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	61.846.782.264	42.033.767.857
Thành phẩm	172.966.256.270	229.724.768.898
Hàng hóa	579.355.747.009	490.842.608.434
	1.415.694.215.484	1.353.397.692.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.624.814.320)	(12.714.320.096)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.412.069.401.164	1.340.683.371.984

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	11.461.045.123	11.461.045.219
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.218.755.359	5.293.089.286
	22.679.800.482	16.754.134.505

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.600.141.472.467	5.390.852.326.430	123.005.262.652	98.932.146.774	7.212.931.208.323
Mua trong kỳ	145.000.000	20.740.598.890	4.389.547.973	618.438.350	25.893.585.213
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	4.042.536.775	4.042.536.775
Tăng khác	92.187.700	-	-	20.790.000	112.977.700
Thanh lý	-	-	(798.689.000)	-	(798.689.000)
Giảm khác	-	-	-	(16.450.000)	(16.450.000)
Tại ngày 30/6/2014	1.600.378.660.167	5.411.592.925.320	126.596.121.625	103.597.461.899	7.242.165.169.011
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	742.261.053.901	5.081.500.674.695	73.682.150.651	58.196.077.953	5.955.639.957.200
Khấu hao trong kỳ	43.892.348.752	55.589.653.777	5.025.599.497	11.090.289.445	115.597.891.471
Thanh lý	-	-	(675.299.296)	-	(675.299.296)
Giảm khác	-	-	-	(1.297.973)	(1.297.973)
Tại ngày 30/6/2014	786.153.402.653	5.137.090.328.472	78.032.450.852	69.285.069.425	6.070.561.251.402
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	814.225.257.514	274.502.596.848	48.563.670.773	34.312.392.474	1.171.603.917.609
Tại ngày 31/12/2013	857.880.418.566	309.351.651.735	49.323.112.001	40.736.068.821	1.257.291.251.123

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 5.340.587.618.323 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.336.498.737.902 đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được thế chấp để bảo đảm cho các hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (xem Thuyết minh 21).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	913.888.881.862	171.736.726.176	47.956.027.688	10.335.196.396	1.143.916.832.122
Mua trong kỳ	-	-	190.000.000	-	190.000.000
Tại ngày 30/6/2014	913.888.881.862	171.736.726.176	48.146.027.688	10.335.196.396	1.144.106.832.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	11.373.778.498	166.511.841.428	28.715.380.480	9.967.246.047	216.568.246.453
Khấu hao trong kỳ	2.482.229.141	1.251.551.338	4.267.239.466	147.790.849	8.148.810.794
Tại ngày 30/6/2014	13.856.007.639	167.763.392.766	32.982.619.946	10.115.036.896	224.717.057.247
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	900.032.874.223	3.973.333.410	15.163.407.742	220.159.500	919.389.774.875
Tại ngày 31/12/2013	902.515.103.364	5.224.884.748	19.240.647.208	367.950.349	927.348.585.669

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 172.997.702.521 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 172.997.702.521 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Amoniac	46.248.899.367	46.248.899.367
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	23.573.596.728	23.573.596.728
Kho Đà Nẵng (i)	-	22.875.662.950
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng sản xuất NPK	22.509.986.986	15.264.114.882
Hội trường thư viện nhà máy Đạm Phú Mỹ	20.323.861.651	3.713.072.476
Các căn hộ Petro Landmark	15.917.509.618	15.917.509.618
Các công trình khác	16.866.810.312	19.868.898.281
	181.782.735.280	183.803.824.920

(i) Ngày 17 tháng 6 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành Công văn số 289/PHBC-ĐTĐXD về việc tạm dừng triển khai công trình Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng do công trình gặp sự cố từ tháng 9 năm 2012, và nếu tiếp tục thì tiến độ thi công sẽ kéo dài trong khi hiệu quả không cao.

Theo Biên bản làm việc với cơ quan bảo hiểm, tổng giá trị bồi thường được cơ quan bảo hiểm chi trả là 21,4 tỷ đồng, số tiền này đã được chuyển trả toàn bộ cho Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (gọi tắt là "PVGN"). Theo đó, Công ty quyết định ghi giảm toàn bộ chi phí đầu tư của công trình, đồng thời ghi tăng phải thu PVGN số tiền bảo hiểm bồi thường (theo tỷ lệ trong Hợp đồng góp vốn) là 12,79 tỷ đồng (được trình bày tại Thuyết minh số 6), phần chênh lệch còn lại Công ty đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
Tăng khác	-	-	-
Tại ngày 30/6/2014	84.498.516.000	230.032.455.192	314.530.971.192
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	4.610.177.080	24.956.214.520	29.566.391.600
Khấu hao trong kỳ	735.071.070	4.607.711.018	5.342.782.088
Tại ngày 30/6/2014	5.345.248.150	29.563.925.538	34.909.173.688
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	79.153.267.850	200.468.529.654	279.621.797.504
Tại ngày 31/12/2013	79.888.338.920	205.076.240.672	284.964.579.592

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Đầu tư vào Công ty liên kết	662.700.000.000	634.137.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(304.083.395.898)	(184.928.891.009)
Chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty liên kết tại ngày mua (*)	18.490.603.694	13.867.952.770
	377.107.207.796	463.076.061.761
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	7.397.785.852	11.250.837.108
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	369.709.421.944	451.825.224.653
	377.107.207.796	463.076.061.761

(*) Tổng Công ty đã xác định khoản lãi phát sinh tại ngày mua do chênh lệch giữa giá mua và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") tại ngày đầu tư là 23.113.254.617 đồng. Ban Tổng Giám đốc quyết định phân bổ chênh lệch này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty trong thời gian là 5 năm kể từ năm 2011, mỗi năm khoảng 4,6 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	30/6/2014	
			VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	TP. Cà Mau	35.63	7.397.785.852	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)	TP. Hải Phòng	25.99	369.709.421.944	Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyeste
			377.107.207.796	

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	7.753.366.339.567	7.915.024.355.348
Tổng công nợ	5.608.576.977.084	6.046.983.353.656
Tài sản thuần	2.144.789.362.483	1.868.041.001.692
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	377.107.207.796	463.076.061.761
	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu thuần	225.328.005.688	52.427.162.946
(Lỗ) thuần	(201.999.363.017)	(69.967.705.131)
(Lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(112.570.702.356)	(21.388.089.049)

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	30/6/2014	31/12/2013
	(%)	VND	VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	10,27%	57.373.067.921	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng		873.765.094	-
		78.748.833.015	77.875.067.921
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<i>Trong đó:</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)		(429.303.607)	(429.303.607)
		(429.303.607)	(429.303.607)
Giá trị thuần của khoản đầu tư		78.319.529.408	77.445.764.314

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và tự động hóa Dầu khí (PAIC) có dấu hiệu suy giảm giá trị và đã được trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước tiền thuê đất	9.930.955.631	10.287.631.936
Vật tư phụ tùng thay thế	23.402.029.191	31.202.705.600
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.562.685.656	24.870.114.040
	48.895.670.478	66.360.451.576

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Lợi nhuận chưa thực hiện	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	13.767.908.411	11.656.179.678	3.341.130.982	-	28.765.219.071
Ghi nhận trong kỳ	-	6.714.041.882	(300.946.685)	(867.657.345)	5.545.437.852
Tại ngày 30/6/2014	13.767.908.411	18.370.221.560	3.040.184.297	(867.657.345)	34.310.656.923

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	27.998.735.120	63.597.620.515
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	21.880.024.499	16.587.977.180
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	6.118.710.621	1.557.998.400
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	24.451.644.935
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	-	21.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.807.915.817
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	1.807.915.817
	<u>27.998.735.120</u>	<u>65.405.536.332</u>

Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm và lãi suất vay như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay bằng VND	26.101.299.279	63.597.620.515
Vay bằng USD	1.897.435.841	-
	<u>27.998.735.120</u>	<u>63.597.620.515</u>

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay tín chấp	-	26.009.643.335
Vay có đảm bảo bằng tài sản	27.998.735.120	37.587.977.180
	<u>27.998.735.120</u>	<u>63.597.620.515</u>

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay theo lãi suất thả nổi	27.998.735.120	63.597.620.515
Vay theo lãi suất cố định	-	-
	<u>27.998.735.120</u>	<u>63.597.620.515</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.167.602.087	12.186.769
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.020.666.008	9.922.734.971
Thuế thu nhập cá nhân	1.171.389.936	3.614.144.457
Các loại thuế khác	29.509.812	16.420.937
	<u>44.389.167.843</u>	<u>13.565.487.134</u>

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp 31/12/2013 <u>VND</u>	Trong kỳ		Phải nộp 30/6/2014 <u>VND</u>
		Số phải nộp <u>VND</u>	Số đã nộp <u>VND</u>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.186.769	10.159.260.181	9.003.844.863	1.167.602.087
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	48.874.502.880	48.874.502.880	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	14.987.470.670	14.987.470.670	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	(18.404.836.616)	89.470.399.334	32.211.840.350	38.853.722.368
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	-	349.107.813	349.107.813	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.450.178.761	30.715.562.700	30.994.351.525	1.171.389.936
Thuế tài nguyên	-	218.307.637	218.307.637	-
Thuế bảo vệ môi trường	11.987.600	27.690.000	36.563.600	3.114.000
Thuế môn bài	-	33.000.000	33.000.000	-
Các loại thuế khác	4.433.337	836.026.285	814.063.810	26.395.812
Tổng cộng	(16.926.050.149)	195.671.327.500	137.523.053.148	41.222.224.203
<i>Trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.565.487.134			44.389.167.843
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30.491.537.283			3.166.943.640
+) Thuế thu nhập cá nhân	2.163.965.696			-
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.327.571.587			3.166.943.640

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2015 (i)	113.109.161.163	43.421.052.000
Chi phí an sinh xã hội (ii)	44.028.941.006	47.550.892.095
Khác	127.209.202.431	69.692.956.915
	<u>284.347.304.600</u>	<u>160.664.901.010</u>

(i) Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã trích thêm 69.688.109.163 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ cho năm 2015.

(ii) Theo Nghị quyết số 420/NQ-DKVN ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong kỳ, Tổng Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội khoảng 45 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 44.028.941.006 đồng

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả	29.050.208.589	21.556.282.714
Phải trả, phải nộp khác	52.477.881.708	42.135.003.445
	<u>81.528.090.297</u>	<u>63.691.286.159</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	3.053.298.732	4.861.214.549
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	1.992.630.996	-
	<u>5.045.929.728</u>	<u>4.861.214.549</u>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	-	1.807.915.817
	<u>5.045.929.728</u>	<u>3.053.298.732</u>

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ phục vụ đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì. Tổng số tiền vay theo hợp đồng là 25.310.821.434 đồng và được giải ngân nhiều lần. Thời hạn cho vay tối đa là 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 29 tháng 5 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi áp dụng đối với tổ chức kinh tế bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (loại trả lãi cuối kỳ) cộng (+) 1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 9).

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nhằm để thanh toán 90% giá trị hợp đồng mua máy móc thiết bị số 61/DPMP/LOHIA/2013. Hợp đồng có thời hạn 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến thời điểm trả nợ vay, lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất cho vay trung hạn theo lãi suất của Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Vũng Tàu. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (xem Thuyết minh số 9).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.394.327.834	1.807.915.817
Trong năm thứ hai	2.651.601.894	3.053.298.732
	<u>5.045.929.728</u>	<u>4.861.214.549</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	1.807.915.817
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.045.929.728</u>	<u>3.053.298.732</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/14

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND	YND	VND
Số dư tại 01/01/2013	3.800.000.000.000	977.787.044	-	(85.447.473.262)	-	2.525.430.471.223	812.944.724.326	765.696.521	1.975.353.266.112	8.959.929.478.972										
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104.330.563.000
Cổ phiếu quỹ bán trong năm	-	-	21.179.913.858	83.150.649.142	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.437.212.009	151.522.709.608	488.572.680	(153.448.494.297)	(224.529.279.394)	(224.529.279.394)	-	-	-	-	-	-	-	-	(224.529.279.394)
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.709.704.170.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	67.686.285.402
Tặng(giảm) khác	-	-	-	-	-	(711.368.475)	(1.600.573.393)	(239.498.328)	(28.336.312.467)	(30.887.752.663)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 01/01/2014	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(264.120.169)	2.526.156.314.757	962.866.860.541	1.014.770.873	2.036.381.182.804	9.346.015.885.588										
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	671.988.019.837
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	214.878.191	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	214.878.191
Trích từ lợi nhuận (1)	-	-	-	-	-	-	769.435.036	(769.435.036)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	-	-	(51.329.262.088)	(51.329.262.088)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(51.329.262.088)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	-	-	(949.835.650.000)	(949.835.650.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(949.835.650.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.280.574.156)	(2.280.574.156)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.280.574.156)
Phân phối cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(192.358.759)	-	(19.102.377.368)	(19.102.377.368)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.294.736.127)
Số dư tại 30/6/2014	3.800.000.000.000	977.787.044	21.179.913.858	(2.296.824.120)	(49.241.978)	2.526.156.314.757	963.443.956.818	1.014.770.873	1.685.051.903.993	8.995.478.561.245										

(1) Số trích lập các quỹ trong kỳ bao gồm trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên với số tiền tương ứng 769.435.036 đồng và 51.329.262.088 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 21/NQ-ĐHCCĐ thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2014, Công ty mẹ đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 1.899.671.300.000 đồng, năm 2013 Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 với số tiền 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần), trong Quý 2/2014 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 với số tiền 949.835.650.000 đồng (2.500 đồng/cổ phần).

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	65.740
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	65.740
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	379.934.260	379.934.260
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	379.934.260
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ (%)	30/6/2014 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100,00	3.800.000.000.000

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các Công ty con được xác định như sau:

	Công ty CP PBHCDK Miền Trung VND	Công ty CP PBHCDK Tây Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Đông Nam Bộ VND	Công ty CP PBHCDK Miền Bắc VND	Công ty CP Bao bì Đạm và PT nhà Dầu khí Phú Mỹ VND	Công ty CP QL và PT nhà Dầu khí Miền Nam VND
Vốn điều lệ của công ty con	100.000.000.000	170.000.000.000	125.000.000.000	120.000.000.000	42.000.000.000	72.248.000.000
Trong đó:						
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	75.000.000.000	127.500.000.000	93.750.000.000	90.000.000.000	21.410.000.000	58.796.800.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	25.000.000.000	42.500.000.000	31.250.000.000	30.000.000.000	20.590.000.000	13.451.200.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	49,02%	18,62%

TÔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	323.588.640.957	326.512.640.944
Tổng nợ phải trả	(110.576.685.464)	(116.390.072.175)
Tài sản thuần	<u>213.011.955.493</u>	<u>210.122.568.769</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	162.791.200.000	162.791.200.000
Các quỹ khác	17.767.117.129	17.574.758.370
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>32.453.638.364</u>	<u>29.756.610.399</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014:

	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong kỳ	80.959.306.514	92.146.358.411
Lợi ích của cổ đông thiểu số trong kỳ	21.218.971.238	24.110.497.254

Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2014	162.791.200.000	940.194.604	9.946.179.495	5.712.627.735	975.756.536	29.756.610.399	210.122.568.769
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	21.218.971.238	21.218.971.238
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	192.358.759	-	(192.358.759)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.836.958.158)	(1.836.958.158)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(16.405.349.403)	(16.405.349.403)
(Giảm) khác	-	-	-	-	-	(87.276.953)	(87.276.953)
Số dư tại ngày 30/6/2014	<u>162.791.200.000</u>	<u>940.194.604</u>	<u>9.946.179.495</u>	<u>5.904.986.494</u>	<u>975.756.536</u>	<u>32.453.638.364</u>	<u>213.011.955.493</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối riêng biệt về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất bao gồm: Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ và Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất và Dầu khí Đông Nam Bộ.
- Sản xuất bao bì bao gồm: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Xây dựng công trình dân dụng và cung cấp dịch vụ khác bao gồm: Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam.

Các thông tin về bộ phận kinh doanh nhất của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Kinh doanh phân bón và hóa chất YND	Sản xuất bao bì và cung cấp dịch vụ khác YND	Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác YND	Điều chỉnh hợp nhất YND	Tổng cộng YND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	11.427.849.968.871	115.741.830.168	112.908.979.262	(1.682.819.988.799)	9.973.680.789.502
Đầu tư vào Công ty liên kết	662.700.000.000	-	-	(285.592.792.204)	377.107.207.796
Tổng tài sản	12.090.549.968.871	115.741.830.168	112.908.979.262	(1.968.412.781.003)	10.350.787.997.298
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.511.784.784.619	60.692.696.495	33.130.942.165	(1.463.310.942.719)	1.142.297.480.560
Tổng nợ phải trả	2.511.784.784.619	60.692.696.495	33.130.942.165	(1.463.310.942.719)	1.142.297.480.560

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Kinh doanh phân bón và hóa chất		Sản xuất bao bì và cung cấp dịch vụ khác		Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ khác		Điều chỉnh hợp nhất		Tổng cộng YND
	YND	YND	YND	YND	YND	YND	YND		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.381.042.127.372	106.379.149.766	78.214.331.385	(6.561.448.739.913)	5.004.186.868.610				
Các khoản giảm trừ doanh thu	56.341.628.082	16.879.536	-	(31.476.901.881)	24.881.605.737				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.324.700.499.290	106.362.270.230	78.214.331.385	(6.529.971.838.032)	4.979.305.262.873				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	10.110.961.304.607	89.237.847.782	64.116.227.600	(6.602.068.392.688)	3.662.246.987.301				
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.213.739.194.683	17.124.422.448	14.098.103.785	72.096.554.656	1.317.058.275.572				
Doanh thu hoạt động tài chính	188.860.289.307	345.712.696	1.009.598.287	(44.578.212.000)	145.637.388.290				
Chi phí tài chính	120.166.913.769	1.031.734.440	6.000.000	(119.277.434.399)	1.927.213.810				
Chi phí bán hàng	345.390.027.709	2.580.360.751	905.289.513	(3.532.129.719)	345.343.548.254				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	245.030.823.760	8.383.959.520	10.305.311.576	(9.791.640.421)	253.928.454.435				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	692.011.718.752	5.474.080.433	3.891.100.983	160.119.547.195	861.496.447.363				
Lợi nhuận khác	6.817.955.595	19.559.085	88.690.266	61.031.366	6.987.236.312				
(Lỗ) từ công ty liên kết	-	-	-	(112.570.702.356)	(112.570.702.356)				
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	698.829.674.347	5.493.639.518	3.979.791.249	47.609.876.205	755.912.981.319				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	87.999.762.365	593.235.394	877.401.575	-	89.470.399.334				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(5.846.384.537)	-	-	300.946.685	(5.545.437.852)				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	616.676.296.519	4.900.404.124	3.102.389.674	47.308.929.520	671.988.019.337				

Bộ phận theo khu vực địa lý:

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm Đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia, doanh thu bán hàng tại thị trường Campuchia trong kỳ vào khoảng 27 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty là thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN**

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014			
Doanh thu thuần	3.824.448.249.560	1.154.857.013.313	4.979.305.262.873
Giá vốn hàng bán	(2.541.189.563.255)	(1.121.057.424.046)	(3.662.246.987.301)
<i>Trong đó: Hoàn nhập dự phòng</i>	<i>7.819.667.278</i>	<i>1.269.838.498</i>	<i>9.089.505.776</i>
Lợi nhuận gộp	1.283.258.686.305	33.799.589.267	1.317.058.275.572
Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013			
Doanh thu thuần	4.748.285.554.795	1.351.366.124.279	6.099.651.679.074
Giá vốn hàng bán	(2.600.825.460.344)	(1.316.241.955.100)	(3.917.067.415.444)
<i>Trong đó: (Trích lập) dự phòng</i>	<i>(2.914.607.640)</i>	<i>(3.455.750.573)</i>	<i>(6.370.358.213)</i>
Lợi nhuận gộp	2.147.460.094.451	35.124.169.179	2.182.584.263.630

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	3.474.774.403.556	4.268.658.495.284
Doanh thu Ure Cà Mau	256.492.674.155	348.838.581.162
Doanh thu Amoniac	4.265.374.530	-
Doanh thu điện	623.071.381	1.025.413.052
Doanh thu khác	110.610.045.996	166.099.692.365
	3.846.765.569.618	4.784.622.181.863
Chiết khấu thương mại	22.317.320.058	36.336.627.068
	3.824.448.249.560	4.748.285.554.795

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.899.986.394.254	1.776.698.342.558
Chi phí nhân công	234.183.190.870	210.542.515.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.089.484.353	114.643.378.372
Chi phí mua ngoài khác	518.634.599.955	421.993.528.503
Chi phí bằng tiền khác	72.437.472.209	55.025.429.500
	2.854.331.141.641	2.578.903.194.733

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	145.115.778.937	227.311.435.899
Khác	521.609.353	479.157.200
	<u>145.637.388.290</u>	<u>227.790.593.099</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	1.245.395.593	1.913.622.114
Lỗ chênh lệch tỷ giá	679.892.011	1.762.100.459
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	-	1.345.277.318
Khác	1.926.206	54.199.838
	<u>1.927.213.810</u>	<u>5.075.199.729</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành	89.470.399.334	208.756.497.963
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	-	5.423.564.380
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>89.470.399.334</u>	<u>214.180.062.343</u>

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ - Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty mẹ - Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ mười một Công ty mẹ - Tổng Công ty kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	650.769.048.599	1.593.112.652.387
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	379.934.260	379.235.866
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.713</u>	<u>4.201</u>

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	14.715.407.146	13.472.300.184
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	44.726.881.691	41.286.818.880
Sau năm năm	65.504.318.321	69.544.238.329
	<u>124.946.607.158</u>	<u>124.303.357.393</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi. Bao gồm các Hợp đồng thuê sau:

- Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty mẹ đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm. Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Công ty mẹ đã ký thêm phụ lục hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.800 USD/tháng.
- Ngày 14 tháng 5 năm 2014, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc - Công ty con của Tổng Công ty đã ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKVN/PVFCCo North về việc thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Tổng diện tích thuê bao gồm 655 m² khu văn phòng và 55 m² khu phụ trợ với số tiền thuê là 274.300.000 VND/tháng.
- Ngày 20 tháng 5 năm 2008, Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ ký Hợp đồng thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² hay 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày thuê.
- Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ký Hợp đồng thuê xưởng trộn hóa chất của Công ty TNHH Công nghiệp Tây Nam với tổng giá thuê là 167.360.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn 5 năm và kết thúc tại ngày 07 tháng 3 năm 2018.

32. CAM KẾT VỐN

- Theo Quyết định số 254/QĐ-PHBC ngày 12 tháng 8 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde cung cấp nguyên liệu để sản xuất phân Ure của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Đạm Ninh Bình, Đạm Cà Mau và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ UFC85/Formaldehyde trong nước cho các lĩnh vực công nghiệp và đời sống với tổng mức đầu tư là 496.534.873.048 đồng, dự kiến thời gian thực hiện của dự án là 27,5 tháng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 1.657.722.262 đồng.
- Theo Quyết định số 115/QĐ-PHBC ngày 08 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng công suất phân xưởng NH₃ của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, cung cấp và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ NH₃ và phân NPK trong nước với tổng mức đầu tư là 4.987.200.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của dự án là Quý 2 năm 2017. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 22.509.986.986 đồng.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CAM KẾT KHÁC**

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam, giá mua khí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chia làm hai giai đoạn: Từ ngày 01/01/2014 đến 31/3/2014 giá mua khí là 6,69 USD/MMBTU; Từ ngày 01/4/2014 đến ngày 31/12/2014, giá khí được tính theo công thức tính giá khí được giao nhận tại điểm giao nhận khí như sau: Giá khí không bao gồm VAT (USD/MMBTU) = 46%*Giá dầu trung bình MFOC + 0,63 (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,56 USD/MMBTU).

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty con.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.798.920.425.185	4.032.386.358.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	212.769.508.695	171.818.864.808
Đầu tư ngắn hạn	1.473.053.298.732	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn khác	78.319.529.408	77.445.764.314
Tài sản tài chính khác	1.094.047.000	1.074.179.400
Tổng cộng	5.564.156.809.020	6.017.586.381.385
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	33.044.664.848	68.458.835.064
Phải trả người bán và phải trả khác	589.127.236.900	668.495.853.812
Chi phí phải trả	284.347.304.600	160.664.901.010
Tổng cộng	906.519.206.348	897.619.589.886

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu, và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 429.303.607 đồng

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu với số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

50
G T
M H
T
N A
T F

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.798.920.425.185	-	3.798.920.425.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	212.769.508.695	-	212.769.508.695
Đầu tư ngắn hạn	1.473.053.298.732	-	1.473.053.298.732
Đầu tư dài hạn khác	-	78.319.529.408	78.319.529.408
Tài sản tài chính khác	48.000.000	1.046.047.000	1.094.047.000
Tổng cộng	5.484.791.232.612	79.365.576.408	5.564.156.809.020
30/6/2014			
Các khoản vay	27.998.735.120	5.045.929.728	33.044.664.848
Phải trả người bán và phải trả khác	589.127.236.900	-	589.127.236.900
Chi phí phải trả	284.347.304.600	-	284.347.304.600
Tổng cộng	901.473.276.620	5.045.929.728	906.519.206.348
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.583.317.955.992	74.319.646.680	4.657.637.602.672
	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.032.386.358.314	-	4.032.386.358.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.818.864.808	-	171.818.864.808
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	-	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn khác	-	77.445.764.314	77.445.764.314
Tài sản tài chính khác	42.000.000	1.032.179.400	1.074.179.400
Tổng cộng	5.939.108.437.671	78.477.943.714	6.017.586.381.385
31/12/2013			
Các khoản vay	65.405.536.332	3.053.298.732	68.458.835.064
Phải trả người bán và phải trả khác	668.495.853.812	-	668.495.853.812
Chi phí phải trả	160.664.901.010	-	160.664.901.010
Tổng cộng	894.566.291.154	3.053.298.732	897.619.589.886
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.044.542.146.517	75.424.644.982	5.119.966.791.499

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	Công ty liên doanh của Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Đồng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (PVEIC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Đồng chủ sở hữu
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	Đồng chủ sở hữu
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Đồng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Đồng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)- PVC Mekong	Đồng chủ sở hữu
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	Đồng chủ sở hữu

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	603.052.250.807	486.406.654.499
<i>Cổ tức trả Tập đoàn</i>	<i>583.010.632.500</i>	<i>466.331.310.724</i>
<i>Phí Quản lý nộp Tập đoàn</i>	<i>20.041.618.307</i>	<i>20.075.343.775</i>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	80.347.017.103	227.811.874.714
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)	35.929.643.146	43.046.809.521
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí (Petrosetco)	-	4.800.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	30.918.070.084	36.234.336.907
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	2.258.952.000	9.865.062.800
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	5.961.904.762	9.596.261.905
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	3.005.795.243	4.417.625.169
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	-	3.697.918.690
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Mua hàng hoá và dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	1.546.356.131.008	1.452.018.460.572
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	223.111.223.042	331.616.061.918
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	16.384.675.866	7.435.113.546
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (PVEIC)	8.688.136.728	13.320.673.539
Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh	27.249.067.268	35.670.949.001
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	1.402.279.803	618.886.364
Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)	2.279.654.776	24.269.083.450
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) - PVC Mekong	20.267.329.380	-

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	364.346.862.841	281.533.038.085
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	6.003.742.149	6.003.742.149
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)- PVC Mekong	6.773.818.877	3.245.784.362
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	4.115.412.730	6.190.393.397
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	3.679.531.485	761.336.359
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)	5.437.500.000	19.172.400.000
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	5.975.386.151	8.977.776.515
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)	21.537.519.524	7.872.796.017
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.143.267.289	110.143.267.289

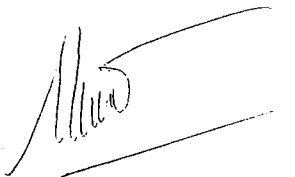
36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Ngày 01 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 104-NQ-PBHC về việc phê duyệt quyết định giải thể Chi nhánh Campuchia. Theo đó, Chi nhánh Campuchia sẽ thực hiện các công tác giải thể kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét này, Chi nhánh Campuchia vẫn đang trong quá trình giải thể.
- Ngày 14 tháng 7 năm 2014, Tổng Công ty đã bán 2,6 triệu cổ phiếu của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần, số tiền thu được là 48 tỷ đồng. Sau khi thực hiện giao dịch bán, Tổng Công ty còn nắm giữ 2.533.202 cổ phiếu của Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (tương ứng 5,07% vốn điều lệ).

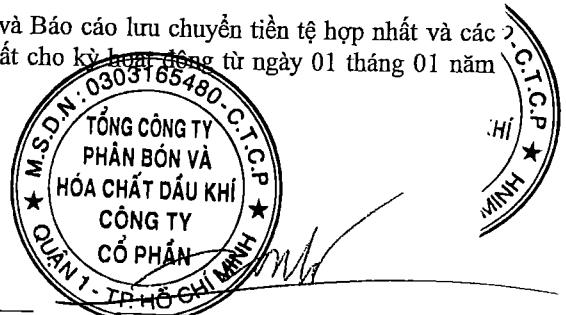
37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.


Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 8 năm 2014


Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tông
Phó Tổng Giám đốc